

THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ

(Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất nông nghiệp)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

- Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, tại Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 và Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Đảng ủy Chính phủ được giao lãnh đạo, chỉ đạo: “rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị”; “xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã”.

- Tại Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội quy định: *Chính phủ (1) xem xét, ban hành văn bản giải quyết hoặc ủy quyền ban hành văn bản giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Quốc hội khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (2) xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; (3) có thể ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn giải quyết các vấn đề phát sinh, đồng thời tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hành.*

- Tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Chính phủ đã yêu cầu: *(1) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; (2) Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để có hiệu lực ngay, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (dự kiến ngày 01 tháng 7 năm 2025).*

- Ngày 19/4/2025, Ban Chỉ đạo Sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-BCĐ của Ban về việc phân công các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành

theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phải thực hiện chậm nhất trước ngày 30/6/2025 (tùy theo phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật).

- Luật Quản lý thuế và văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế đã có quy định cụ thể về: kê khai, nộp thuế, tính thuế, trình tự, thủ tục miễn, giảm thuế (trong đó, có thuế sử dụng đất nông nghiệp).

Căn cứ các quy định nêu trên, Bộ Tài chính rà soát và sửa đổi, bổ sung 04 Thông tư sau: *Thông tư số 89-TC/TCT ngày 09/11/1993 hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thông tư số 21-TC/TCT ngày 19/3/1994 hướng dẫn về Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thông tư số 60-TC/TCT ngày 14/7/1994 hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thông tư số 82-TC/TCT hướng dẫn thi hành Nghị định số 84/CP ngày 08/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế bổ sung đối với hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích.*

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

- Kịp thời ban hành các nội dung luật sửa đổi, bổ sung tại văn bản quy phạm pháp luật để có hiệu lực ngay, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

- Xử lý một số vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn khi triển khai thi hành các văn bản dưới Luật.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để chuẩn bị sẵn sàng khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

- Giải quyết được một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư có kết cấu gồm 05 Điều cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, Mục của Thông tư số 89-TC/TCT.
- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một điểm, Mục của Thông tư số 82-TC/TCT.
- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 60-TC/TCT.
- Điều 4. Bãi bỏ Thông tư số 21-TC/TCT.
- Điều 5. Quy định về điều khoản thi hành. Quy định Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

Lý do, căn cứ sửa đổi:

Đảm bảo phù hợp với thay đổi mô hình 02 cấp (tỉnh, xã) sau sắp xếp đơn vị hành chính và thay đổi tên cơ quan thuế mới.

Về kê khai, quản lý thu, nộp, miễn, giảm (trình tự, thủ tục miễn, giảm) thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được cụ thể tại Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế.

Để đảm bảo phù hợp với thay đổi mô hình 02 cấp (tỉnh, xã) sau sắp xếp đơn vị hành chính và thay đổi tên cơ quan thuế mới và thống nhất với pháp luật quản lý thuế thì nội dung chính sửa đổi tại các Thông tư gồm:

- Nhiệm vụ của UBND huyện thì chuyển UBND cấp xã;
- Sửa tên “Chi cục Thuế” thành “Cơ quan thuế cơ sở”; “Cục Thuế” thành “Cơ quan thuế cấp tỉnh”; “Tổng cục Thuế” thành “Cục Thuế”;
- Kê khai, nộp, miễn giảm thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, Mục của Thông tư số 89-TC/TCT

a) Sửa đổi điểm 1, Mục II về xác định diện tích tính thuế như sau:

~~“Xác định diện tích tính thuế: Theo quy định tại Điều Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993, chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 năm 1993, mọi Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, kể cả diện được miễn thuế hoặc tạm miễn thuế đều phải kê khai diện tích từng thửa ruộng, đất sử dụng vào sản xuất nông nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan thuế.~~

a) Diện tích tính thuế của từng thửa ruộng, đất là diện tích thực sử dụng kể cả bờ xung quanh ruộng phục vụ trực tiếp cho sản xuất của thửa ruộng, đất, không tính phần bờ dùng cho giao thông nội đồng hoặc dùng chung cho từ một cánh đồng trở lên.

~~a. Xác định diện tích tính thuế của từng hộ phải căn cứ vào tờ khai của hộ, đồng thời phải dựa vào các tài liệu sau đây để kiểm tra tính chính xác của tờ khai:~~

~~– Diện tích đang tính thuế nông nghiệp năm 1993, diện tích khai hoang đã đến hạn chịu thuế;~~

~~– Kết quả đo đạc gần nhất được cơ quan quản lý ruộng đất huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (trong văn bản này gọi chung là huyện) xác nhận. Nếu địa phương chưa đo đạc hoặc số liệu đo đạc chưa chính xác thì phải sử dụng tài liệu: bản đồ, địa bản cũ, tài liệu về giao đất hoặc giao khoán, đất làm kinh tế gia đình, các quyết định giao đất đối với các doanh nghiệp, nông lâm nghiệp (nông trường, lâm trường, trạm trại...)~~

b. Trình tự xác định diện tích tính thuế như sau:

~~– Hộ sử dụng đất tự kê khai diện tích đất được giao, đất nhận khoán và đất tự khai phá gọi chung là đất đang sử dụng theo mẫu biểu hướng dẫn của cơ quan thuế và gửi bản kê khai đó đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (trong văn bản này gọi chung là xã) đối với các hộ nộp thuế lập sổ thuế tại xã, đến Chi cục thuế đối với các hộ nộp thuế lập sổ thuế tại huyện, đúng thời gian và địa điểm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ;~~

~~– Đội thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận tờ khai, kiểm tra, đối chiếu tờ khai của từng hộ nộp thuế với các tài liệu hiện có đã nói ở trên, xác định diện tích tính thuế của từng hộ.~~

b) Trong quá trình xác định diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, cơ quan thuế phải cùng Hội đồng tư vấn thuế xã xem xét cụ thể từng trường hợp, nếu thấy tờ khai chưa chính xác thì phải đề nghị chủ hộ kê khai lại và phải tổ chức kiểm tra điển hình để xác định đúng diện tích đất chịu thuế của những hộ kê khai chưa chính xác.

~~Trường hợp có sự khác nhau giữa diện tích đo đạc với kê khai tính thuế của hộ nộp thuế hoặc của một xã, một huyện thì trước mắt tạm duyệt diện tích tính thuế năm 94 theo tờ khai của từng hộ, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với cơ quan quản lý ruộng đất tỉnh chỉ đạo xác định lại diện tích ngay từ quý I năm 2004 để cuối năm tính thuế, thu thuế và quyết toán thuế theo diện tích đã được xác định lại.~~

~~Đội thuế xã thông báo kết quả xác định diện tích tính thuế cho từng hộ nộp thuế, tổng hợp và giúp Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục thuế.”~~

b) Sửa đổi Mục III về tính thuế và lập sổ thuế

“1. Tính thuế

~~– Căn cứ vào tờ khai của các hộ nộp thuế do xã gửi lên, Chi cục thuế cùng cán bộ đội thuế xã xem xét và kiểm tra lại các căn cứ tính thuế của hộ nộp thuế trên tờ khai, nếu phát hiện có sự sai sót thì yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải trình cụ thể.~~

~~– Căn cứ vào tờ khai của hộ nộp thuế đã được kiểm tra, tổ kế toán hoặc nghiệp vụ tại Chi cục thuế tính thuế cho từng hộ nộp thuế.~~

xã, lập danh sách các hộ về diện tích, mức độ (năng suất thiệt hại, mức thuế xin giảm, miễn do thiên tai, các hộ xin giảm, miễn thuế thuộc đối tượng chính sách xã hội theo mẫu đính kèm Thông tư này niêm yết trong thời hạn 20 ngày. Cơ quan thuế tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã duyệt danh sách và mức nghị giảm, miễn thuế báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Ủy ban nhân dân tỉnh và Chi cục thuế Chi cục thuế khu vực.

~~b. Ở cấp huyện:~~ Căn cứ vào:

- Biên bản xác định phạm vi và mức độ thiệt hại xảy ra thiên tai;
- Báo cáo thống kê tình hình năng suất sản lượng các loại cây trồng kết quả thăm đồng, đánh giá sản lượng thu hoạch thực tế của diện tích thiệt hại;
- Biên bản xét duyệt của các xã;
- Đơn đề nghị xét giảm miễn thuế của hộ nộp thuế ~~do huyện quản lý~~;
- Căn cứ vào đời sống của các hộ thuộc đối tượng chính sách.

~~Chi cục thuế~~ *Đội thuế xã* dự kiến đề nghị xét giảm, miễn thuế của các xã và các hộ nộp thuế đưa ra Hội đồng tư vấn thuế xem xét có sự tham gia của các ngành liên quan, trên cơ sở đó, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh và ~~Cục thuế tỉnh~~ *Chi cục thuế khu vực*. Hồ sơ xin giảm, miễn thuế của các ~~huyện xã~~ gồm:

- Hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị doanh nghiệp thuộc ~~huyện xã~~;
- Tờ trình Ủy ban nhân dân ~~huyện tỉnh~~;
- Biên bản xét duyệt đề nghị giảm, miễn thuế của ~~huyện xã~~;
- Báo cáo chi tiết của cơ quan thuế.

c. ~~Cục thuế~~ *Chi cục thuế khu vực* kiểm tra và duyệt giảm, miễn thuế cho các ~~huyện xã~~ có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế (các ngành liên quan) trên cơ sở đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Khi kiểm tra ~~Cục thuế~~ *Chi cục thuế khu vực* phải:

- Đối chiếu giữa biên bản xác định diện tích bị thiên tai làm thiệt hại với diện tích thực tế bị thiệt hại, mức độ thiệt hại và biên bản đánh giá sản lượng thực tế thu hoạch, so sánh giữa các ~~huyện xã~~ trong tỉnh, so sánh với các vụ trước v.v...

- Xác định đúng sản lượng của năm sản xuất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ;

- Khi xem xét giảm miễn thuế cho các đối tượng chính sách xã hội phải có xác nhận của ngành thương binh xã hội; đồng thời phải chú ý xem xét đời sống thực tế ở địa phương và giữa các ~~huyện xã~~ trong tỉnh”.

- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã”; “Cục thuế” bằng cụm từ “Chi cục thuế khu vực”; “Cục thuế” bằng cụm

từ “Chi cục thuế khu vực”; “Tổng cục thuế” bằng cụm từ “Cục thuế” Tại mục 5, mục 6 phần V.

(vi) Thay thế cụm từ “Tổng cục thuế” bằng cụm từ “Cục thuế” tại mục 2 phần VIII.

2.2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

(i) Thay thế toàn bộ cụm từ “Tổng cục Thuế” bằng cụm từ “Cục Thuế”, “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế”, “Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Đội thuế”.

(ii) Bỏ toàn bộ cụm từ “Ủy ban nhân dân quận, huyện”, “quận, huyện”, “thị trấn”.

(i) Bãi bỏ khoản 8 Điều 25.

Ngoài ra, tại khoản 6 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: “6. *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế*”. Do vậy, các quy định về thuế khoán tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC vẫn thực hiện đến hết 31/12/2025. Việc bãi bỏ quy định về thuế khoán sẽ tiếp tục rà soát trong giai đoạn tới.

2.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21-TC/TCT ngày 19/3/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

(i) Bãi bỏ điểm a khoản 1 phần A Mục I và điểm a,b,c khoản 2, điểm b phần B Mục I.

2.4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 60-TC/TCT ngày 14/7/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

(i) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế Khu vực”, cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm 1 Mục III.

2.5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 82-TC/TCT của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 84/CP ngày 8/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế bổ sung đối với hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích.

(i) Sửa đổi, bổ sung Điểm 2 mục III như sau:

“2. Trường hợp hộ nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp ở nhiều nơi:

Nếu hộ nộp thuế sử dụng đất ở nhiều xã, phường, đặc khu trong 1 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc sử dụng đất ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc 1 tỉnh hoặc có sử dụng đất ở nhiều tỉnh, thành phố thì hộ nộp thuế có

Trong thời gian nộp thuế đối thuế xã có trách nhiệm đôn đốc nộp thuế theo đúng quy định tại thông báo nộp thuế.

3. Thu, nộp thuế.

a. Thu, nộp thuế bằng tiền mặt: khi thu thuế của dân, cán bộ thuế hoặc cán bộ kho bạc phải kiểm tra, đối chiếu số tiền thuế phải nộp ghi trên thông báo với số tiền hộ nộp thuế mang đến nộp, đồng thời viết và cấp biên lai cho người nộp thuế và ghi vào sổ theo dõi thu thuế.

Trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp nộp vào kho bạc thì cuối mỗi ngày, cán bộ thu thuế phải đối chiếu biên lai thu thuế với số tiền thuế đã thu 10 ngày một lần phải nộp hết số tiền thuế đã thu vào Kho bạc Nhà nước. Nếu số tiền thuế thu được từ 5 triệu đồng trở lên thì phải nộp ngay vào Kho bạc Nhà nước, để tiền thuế vượt quá mức quy định này chưa nộp vào Kho bạc Nhà nước thì bị coi là hành vi chiếm dụng tiền thuế.

b. Thu, nộp thuế bằng chuyển khoản: nộp thuế bằng chuyển khoản do hộ nộp thuế làm thủ tục nộp thuế. Cơ quan thuế phải mở sổ theo dõi các hộ nộp thuế bằng chuyển khoản để đối chiếu định kỳ với kho bạc và đôn đốc hộ nộp thuế.

c. Thu thuế bằng thóc (nếu có): tổ chức thu thóc phải nhận trực tiếp của người nộp thuế có đại diện cơ quan thuế để viết biên lai thu thuế cho các hộ nộp thuế. Tổ chức mua thóc thuế phải thanh toán với ngân sách Nhà nước ngay trong vụ thu thuế theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết thúc năm thuế cơ quan thuế các cấp phải tổ chức quyết toán kết quả thu nộp thuế với từng hộ nộp thuế và lập báo cáo quyết toán thu thuế với Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên theo quy định tại Điều 18 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:¹

a. Ở cấp xã: Lập quyết toán kết quả thu nộp thuế trong năm theo từng hộ nộp thuế, căn cứ vào các tài liệu sau: Số thuế ghi thu trong sổ thuế được duyệt; số thuế được giảm miễn (nếu có);

Số	T	Gi	+	(nă
thuế—phải	huế ghi	ảm,	Thiếu	m trước)
nộp—trong	thu	miễn	—Thừa	
năm		thuế		

Số thuế đã nộp trong năm; tổng hợp từ sổ theo dõi thu thuế và đối chiếu với biên lai thu thuế; từ đó xác định số thuế nộp đủ, nộp thừa hoặc thiếu của từng hộ nộp thuế và tổng hợp quyết toán kết quả thu thuế của xã.

b. Ở cấp huyện: Chi cục thuế kiểm tra xét duyệt quyết toán kết quả thu thuế của các xã trong huyện và tổng hợp quyết toán kết quả thu thuế chung toàn huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục thuế tỉnh kiểm tra xét duyệt.

¹ quy định tại Điều 18 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp

~~e. Ở cấp tỉnh: Cục thuế tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán kết quả thu thuế của các huyện; tổng hợp quyết toán của tỉnh bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: số thuế ghi thu theo sổ thuế; số thuế thừa, thiếu năm trước chuyển sang (nếu có); số thuế được giảm miễn (nếu có);~~

~~Số thuế đã thu; số thuế đã thanh toán nộp vào Kho bạc Nhà nước; xác định số thuế còn thừa hoặc thiếu.~~

~~Quyết toán của tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, thì gửi báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).~~

~~Tổng cục Thuế thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra việc quyết toán kết quả thu thuế của các địa phương.~~

2. Thu, nộp thuế thực hiện theo quy định pháp luật quản lý thuế."

d) Sửa đổi điểm 4 Mục V về giảm thuế, miễn thuế

"4. Trình tự việc xem xét và tổng hợp đề nghị giảm, miễn thuế ở các cấp như sau:

a. ~~Ở cấp xã:~~ Căn cứ vào thực tế thiệt hại, biên bản xác nhận đánh giá khi thiên tai, dịch họa, sâu bệnh... xảy ra và biên bản thăm đồng; căn cứ vào thực tế đời sống các đối tượng chính sách thuộc diện được xét giảm, miễn thuế; cơ quan thuế *cơ sở* và Hội đồng tư vấn giúp Ủy ban nhân dân đề nghị xin giảm miễn thuế của xã, lập danh sách các hộ về diện tích, mức độ (năng suất thiệt hại, mức thuế xin giảm, miễn do thiên tai, các hộ xin giảm, miễn thuế thuộc đối tượng chính sách xã hội theo mẫu đính kèm Thông tư này niêm yết trong thời hạn 20 ngày. Cơ quan thuế *cơ sở* tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã duyệt danh sách và mức nghị giảm, miễn thuế báo cáo Ủy ban nhân dân ~~huyện tỉnh~~ và ~~Chi cục cơ quan thuế cấp tỉnh~~.

b. ~~Ở cấp huyện:~~ Căn cứ vào:

- Biên bản xác định phạm vi và mức độ thiệt hại xảy ra thiên tai;
- Báo cáo thống kê tình hình năng suất sản lượng các loại cây trồng kết quả thăm đồng, đánh giá sản lượng thu hoạch thực tế của diện tích thiệt hại;
- Biên bản xét duyệt của các xã;
- Đơn đề nghị xét giảm miễn thuế của hộ nộp thuế ~~do huyện quản lý~~;
- Căn cứ vào đời sống của các hộ thuộc đối tượng chính sách.

Chi cục thuế *cơ sở* dự kiến đề nghị xét giảm, miễn thuế của các xã và các hộ nộp thuế đưa ra Hội đồng tư vấn thuế xem xét có sự tham gia của các ngành liên quan, trên cơ sở đó, tổng hợp báo cáo ~~Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh~~ và ~~Cục cơ quan thuế cấp tỉnh~~. ~~Hồ sơ xin giảm, miễn thuế của các huyện gồm:~~

~~- Hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị doanh nghiệp thuộc huyện;~~

~~- Tờ trình Ủy ban nhân dân huyện;~~

~~- Biên bản xét duyệt đề nghị giảm, miễn thuế của huyện;~~

~~- Báo cáo chi tiết của cơ quan thuế.~~

c. ~~Cục Cơ quan thuế cấp tỉnh~~ kiểm tra và duyệt giảm, miễn thuế cho các ~~huyện xã~~ có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế (các ngành liên quan) trên cơ sở đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Khi kiểm tra ~~cục cơ quan thuế cấp tỉnh~~ phải:

- Đối chiếu giữa biên bản xác định diện tích bị thiên tai làm thiệt hại với diện tích thực tế bị thiệt hại, mức độ thiệt hại và biên bản đánh giá sản lượng thực tế thu hoạch, so sánh giữa các huyện trong tỉnh, so sánh với các vụ trước

- Xác định đúng sản lượng của năm sản xuất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ;

- Khi xem xét giảm miễn thuế cho các đối tượng chính sách xã hội phải có xác nhận của ngành thương binh xã hội; đồng thời phải chú ý xem xét đời sống thực tế ở địa phương và giữa các ~~huyện xã~~ trong tỉnh."

đ) Sửa đổi điểm 2 Mục VIII về tổ chức thực hiện

"2. Theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ: Hàng năm, ~~Tổng cục thuế Cục Thuế~~ được trích số tiền bằng 4,5% trên số thuế sử dụng đất nông nghiệp thu được đảm bảo kinh phí cho đội thuế xã thực hiện việc thu thuế ở xã và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế các cấp. Khoản kinh phí này do ngân sách trung ương chi, Bộ Tài chính cấp theo kế hoạch từng tháng, quý cho ~~Tổng cục thuế Cục Thuế~~ như các khoản kinh phí khác, cuối năm thanh quyết toán số thuế thực thu."

e) Bãi bỏ điểm 5, điểm 6 Mục V về giảm thuế, miễn thuế.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung quy định tại điểm 5, điểm 6 Mục V về giảm thuế, miễn thuế.

2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 60-TC/TCT

Lý do, căn cứ sửa đổi:

Đảm bảo phù hợp với thay đổi mô hình 02 cấp (tỉnh, xã) sau sắp xếp đơn vị hành chính và thay đổi tên cơ quan thuế mới.

Sửa đổi điểm 1 Mục III về tổ chức thực hiện: Trong đó, sửa tên cơ quan thuế và UBND cấp xã.

"III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc địa phương mình; chỉ đạo ~~Cục thuế cơ quan thuế cấp tỉnh~~ và các ngành có liên quan, UBND cấp ~~huyện, quận, thị xã~~ thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ, Thông tư số 89 TC/TCT ngày 9/11/1993 của Bộ Tài chính và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này."

2.3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 82-TC/TCT

a) Sửa đổi điểm 1 Mục I như sau :

“1. Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

- Các tỉnh ~~Minh Hải, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Tháp, Sông Bé, Long An, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre, Đồng Nai, An Giang, Tây Ninh, Tiền Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, TP Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh~~ không quá 3 ha.
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác không quá 2 ha”.

Lý do, căn cứ sửa đổi:

Đảm bảo phù hợp với thay đổi tên các tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Bãi bỏ Mục II quy định về khai, nộp thuế và Mục IV quy định về thủ tục miễn, giảm thuế.

Lý do, căn cứ sửa đổi:

Tại Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế đã quy định cụ thể về khai, nộp thuế, thủ tục miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2.3. Bãi bỏ Thông tư số 21-TC/TCT hướng dẫn về Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung của Thông tư số 21-TC/TCT quy định về nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp các cấp về xác định diện tích và hạng đất tính thuế, về xem xét và đề nghị các trường hợp được xét miễn, giảm thuế; nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng tư vấn và hoạt động, kinh phí hoạt động của hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp các cấp.

Lý do, căn cứ sửa đổi:

Tại Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế đã quy định cụ thể về Hội đồng tư vấn thuế các cấp.

V. VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH THỰC HIỆN VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động là hết sức cần thiết.

Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

Trên đây là thuyết minh nội dung sửa đổi một số Thông tư quy định về thuế sử dụng đất nông nghiệp./.

Ghi chú:

- Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung
- Nội dung gạch giữa là nội dung bị thay thế, bãi bỏ